

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN
SÀI GÒN VI NA**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Số: 383 /LSG-TCKT
Về việc giải trình biến động
lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na

Địa chỉ: 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, TP. HCM

Mã chứng khoán: LSG

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ngày 12/08/2022 Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na thực hiện xong báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ kết thúc vào ngày 30/06/2022.

Công ty xin giải trình nguyên nhân dẫn lợi nhuận sau thuế chênh lệch so với cùng kỳ như sau: Theo số liệu BCTC giữa niên độ kết thúc vào ngày 30/06/2022 phản ánh lợi nhuận sau thuế (LNST) 3,65 tỷ đồng, so với cùng kỳ LNST giữa niên độ kết thúc vào ngày 30/06/2021 là 0,47 tỷ đồng, chênh lệch tăng 3,18 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là từ hoạt động đầu tư tài chính trong kỳ.

Trân trọng. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BP.TCKT (Tuấn) *[Signature]*



TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Vũ Anh Tú



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Quang Hiển	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hoài Nam	Thành viên
Bà Bùi Hương Quế	Thành viên
Ông Nguyễn Vũ Anh Tú	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trương Thành Long	Trưởng ban
Ông Đào Ngọc Phương Nam	Thành viên
Bà Đoàn Thu Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Vũ Anh Tú	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

KIỂM TOÁN
RSM


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, không có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Vũ Anh Tú 
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2022

617
ÔN
TN
TOÁN
VI
HỊ
HÀ
GIÁ

Số: 188/2022/RSMHN-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na****Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na, được lập ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 06 đến trang 31. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã thuyết minh tại Mục 4.4 "Hàng tồn kho", từ thời điểm hoàn thành giai đoạn 1 đến nay, công trình "Chung cư Dragon Hill Premier" thuộc Khu phức hợp Dragon Riverside City 628 – 630 Võ Văn Kiệt vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để được cấp giấy phép xây dựng cho các giai đoạn tiếp theo. Do đó, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán 06 tháng năm 2022, công trình vẫn đang tạm dừng thi công. Trong thời gian chờ các thủ tục pháp lý tiếp theo hoàn tất, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động. Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 đang được sử dụng làm số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 0034/2022/BCTC-KTV ngày 25/02/2022 và kết luận chấp nhận toàn phần theo báo cáo soát xét số 0346/2021/BCSX-KTV ngày 14/8/2021.



Hoàng Thị Vinh
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1678-2018-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.754.062.654.711	2.682.058.850.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	27.044.694.821	16.601.115.461
1. Tiền	111		1.044.694.821	3.101.115.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	13.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.636.432.803.961	1.609.329.823.992
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		495.768.359	714.175.641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		563.373.900	105.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.2	1.081.210.640.783	973.915.928.455
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	554.360.833.919	634.792.532.896
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(197.813.000)	(197.813.000)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	1.047.429.911.741	1.013.310.404.808
1. Hàng tồn kho	141		1.047.429.911.741	1.013.310.404.808
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.155.244.188	42.817.506.142
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	43.155.244.188	42.817.506.142
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		221.141.699.765	218.015.986.883
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.629.500.000	48.629.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.3	48.629.500.000	48.629.500.000
II. Tài sản cố định	220		768.845.374	860.670.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	749.143.159	828.568.725
Nguyên giá	222		1.596.605.751	1.661.705.751
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(847.462.592)	(833.137.026)
2. Tài sản cố định vô hình	227		19.702.215	32.102.215
Nguyên giá	228		282.383.660	282.383.660
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.681.445)	(250.281.445)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		100.410.076.842	98.932.682.830
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	100.410.076.842	98.932.682.830
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.7	510.300.000	441.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.510.300.000	3.510.300.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(3.069.300.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		70.822.977.549	69.152.133.113
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	70.163.414.949	68.485.210.513
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.5	659.562.600	666.922.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.975.204.354.476	2.900.074.837.286

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/6/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.938.041.355.284	1.864.159.984.008
I. Nợ ngắn hạn	310		1.407.801.355.284	1.184.467.984.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	4.048.156.381	4.124.944.096
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.222.053.819	3.545.711.720
3. Phải trả người lao động	314		-	1.404.736.260
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	13.894.520.547	2.692.979.452
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	667.469.410.840	233.687.469.558
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	717.576.012.403	936.878.385.327
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.591.201.294	2.133.757.595
II. Nợ dài hạn	330		530.240.000.000	679.692.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.12	240.000.000	399.692.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.13	530.000.000.000	280.000.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.037.162.999.192	1.035.914.853.278
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	1.037.162.999.192	1.035.914.853.278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.565.519.629	1.565.519.629
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.597.479.563	134.349.333.649
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		131.949.333.649	122.638.386.315
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.648.145.914	11.710.947.334
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.975.204.354.476	2.900.074.837.286



Nguyễn Vũ Anh Tú
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Minh Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Anh Tuấn
Người lập

BỘ
ÔN
TR
ĐẠI
VI
HỊ
TÀ
/3/21

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.1	63.917.807.552	131.385.407.483
7. Chi phí tài chính	22	5.2	52.843.470.937	126.909.326.353
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.912.770.937	126.909.326.353
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.3	5.814.753.514	3.787.840.986
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.259.583.101	688.240.144
11. Thu nhập khác	31		217.513.762	7.924.901
12. Chi phí khác	32		663.386.221	40.707.174
13. (Lỗ) khác	40		(445.872.459)	(32.782.273)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.813.710.642	655.457.871
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.4	1.158.204.728	180.769.541
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.5	7.360.000	6.136.887
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.648.145.914	468.551.443
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	40,53	5,21
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.14.4	40,53	5,21



Nguyễn Vũ Anh Tú
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Minh Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Anh Tuấn
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.4	4.813.710.642	655.457.871
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		91.825.566	91.825.566
- Các khoản dự phòng	03		(69.300.000)	(30.684.437)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(63.927.807.552)	(131.263.659.526)
- Chi phí lãi vay	06		52.912.770.937	126.909.326.353
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.178.800.407)	(3.637.734.173)
- (Tăng) các khoản phải thu (i)	09		(15.471.876.614)	(75.092.754.657)
- (Tăng) hàng tồn kho	10		(34.119.506.933)	(1.580.308.037)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11		(36.661.226.111)	800.285.727.125
- (Tăng) chi phí trả trước	12		(1.678.204.436)	(2.145.265.679)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.308.884.159)	(84.448.125.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.4	(3.175.793.605)	(7.560.185.677)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(942.556.301)	(1.950.404.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(175.536.848.566)	623.870.948.313
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ	21		(1.477.394.012)	(1.509.420.846)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		10.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác (i)	23		(50.000.000.000)	(172.740.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		82.740.000.000	739.000.000.000
5. Tiền chi/hoàn trả đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	25		(445.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi/nhận đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	26		550.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.208.966.151	123.580.194.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		155.481.572.139	688.330.773.842
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.13	655.000.000.000	20.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.13	(624.302.372.924)	(1.308.281.475.088)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(198.771.289)	(216.556.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.498.855.787	(1.288.498.031.744)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		10.443.579.360	23.703.690.411
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.1	16.601.115.461	2.775.957.496
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	27.044.694.821	26.479.647.907

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

(i) Giao dịch trọng yếu không bằng tiền: Trong kỳ, Công ty thỏa thuận với các đối tác để chuyển một số khoản phải thu đầu tư hợp tác kinh doanh thành các khoản cho vay ngắn hạn với tổng số tiền 140.034.712.328 VND.

(ii) Đây là các khoản công ty nhận và trả tiền gốc ban đầu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác trong kỳ.



Nguyễn Vũ Anh Tú
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2022

Trần Thị Minh Tâm
Kế toán trưởng

Ngô Anh Tuấn
Người lập

3302
KIỂM
RSI
CÁI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vi Na (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vi Na, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305316946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/11/2007, thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 09/7/2020.

Ngày 25/4/2022, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 271/QĐ-SDGHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 900.000.000.000 VND, chia thành 90.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 01, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 29 (tại ngày 01/01/2022 là 30).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý chung cư, nhà cao tầng; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, giám sát thi công, khảo sát xây dựng); Trang trí nội thất;...

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

///
:
*
/

17E
SNC
TNH
SÁN
VIỆ
H NI
IA T
GAY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC, chính sách kế toán của Công ty và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- Chi phí trả trước phục vụ cho dự án Chung cư Dragon Hill Premier bao gồm chi phí quảng cáo, chi phí tổ chức sự kiện và các chi phí khác. Các chi phí này sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh khi các căn hộ Chung cư được hoàn thành và bán thương mại;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48/2019/TT-BTC nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh

Bên góp vốn ghi nhận tài sản đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận góp vốn ghi nhận tài sản các bên góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng

Lợi nhuận được phân chia cụ thể sẽ được các bên quy định chi tiết tại các hợp đồng liên quan.

3.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Doanh thu, thu nhập khác

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. Thu nhập lãi cho vay được ghi nhận theo các thỏa thuận nhập gốc hoặc được thanh toán theo cam kết trả nợ của bên cho vay.

3.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Mặc dù công trình "Chung cư Dragon Hill Premier" đang tạm dừng thi công, Công ty tin rằng việc tạm dừng này là cần thiết cho các thủ tục pháp lý theo quy định, do đó vốn hóa lãi vay vào công trình vẫn tiếp tục thực hiện. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

94
Y
N
S
A
N
A
C
H
I

2361
C
O
I
T
I
V
T
O
Á
V
V
C
H
I
H
À
G
I
Á

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



24
: T
H
47
T
L
O
18

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng trong kỳ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| ▪ Dịch vụ chuyển nhượng bất động sản | 10% |
| ▪ Các dịch vụ khác | 10% |

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	51.333.457	114.164.328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	993.361.364	2.986.951.133
Các khoản tương đương tiền	26.000.000.000	13.500.000.000
Cộng	27.044.694.821	16.601.115.461

4.2 Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn các doanh nghiệp bên thứ ba có thời hạn 01 năm, số dư tại ngày 30/6/2022 là 1.081.210.640.783 VND (tại ngày 01/01/2022 là 973.915.928.455 VND), lãi suất từ 9,1%/năm đến 11,0%/năm (trong năm 2021 là từ 9,1%/năm đến 11,5%/năm).

4.3 Phải thu khác

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	180.678.584.341	135.969.742.940
Góp vốn hợp tác kinh doanh BCC (i)	373.594.353.903	498.790.193.920
Tạm ứng	87.637.154	29.918.408
Phải thu khác	258.521	2.677.628
Cộng	554.360.833.919	634.792.532.896
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ đảm bảo thực hiện "Dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City 628 – 630 Võ Văn Kiệt" (ii)	48.590.000.000	48.590.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	39.500.000	39.500.000
Cộng	48.629.500.000	48.629.500.000

(i) Các khoản góp vốn bổ sung vốn kinh doanh theo các Hợp đồng hợp tác với thời hạn 12 tháng. Việc hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới, Công ty được hưởng lợi nhuận kinh doanh trước thuế theo tỷ lệ góp vốn trên tổng số vốn kinh doanh nhưng không thấp hơn 9,1%/năm của số vốn tương ứng với thời gian góp (trong năm 2021 là 9,1%/năm và 11%/năm).

(ii) Khoản ký cược, ký quỹ với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thực hiện dự án "Khu phức hợp Dragon Riverside City 628 – 630 Võ Văn Kiệt", đang được gửi tại Ngân hàng TMCP Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank). Các khoản tiền lãi tiền gửi từ khoản ký cược, ký quỹ này sẽ được ghi nhận khi Công ty thu hồi tiền gốc hoặc đánh giá việc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Chung cư Dragon Hill Premier	1.047.429.911.741	1.013.310.404.808
Cộng	1.047.429.911.741	1.013.310.404.808

Đây là các chi phí đầu tư, xây dựng hàng hóa bất động sản chung cư để bán "Chung cư Dragon Hill Premier", thuộc Khu phức hợp Dragon Riverside City 628 – 630 Võ Văn Kiệt. Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 32.697.030.136 VND.

Công ty đã hoàn thành giai đoạn 1 – Phần ngầm (cọc và tường vây) "Chung cư Dragon Hill Premier", thuộc Khu phức hợp Dragon Riverside City 628 – 630 Võ Văn Kiệt theo giấy phép xây dựng số 66/GPXD ngày 04/4/2017 do Sở xây dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Từ thời điểm hoàn thành giai đoạn 1 đến nay, công trình đang trong quá trình xử lý các thủ tục pháp lý để được cấp giấy phép xây dựng cho các giai đoạn tiếp theo. Do đó, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán 06 tháng năm 2022, công trình vẫn đang tạm dừng thi công. Công ty tin rằng việc tạm dừng thi công này là cần thiết cho các thủ tục pháp lý và không tạm dừng vốn hóa lãi vay vào công trình. Trong thời gian chờ các thủ tục pháp lý tiếp theo hoàn tất, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động.

Toàn bộ giá trị dở dang của công trình "Chung cư Dragon Hill Premier" đang được dùng để thế chấp cho khoản vay Ngân Hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh như được thuyết minh chi tiết tại Thuyết minh số 4.13 "Vay và nợ thế tài chính".

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	218.872.987	1.166.809.091	276.023.673	1.661.705.751
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65.100.000)	(65.100.000)
Tại ngày 30/6/2022	218.872.987	1.166.809.091	210.923.673	1.596.605.751
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2022	199.372.982	357.740.371	276.023.673	833.137.026
Khấu hao	6.500.000	72.925.566	-	79.425.566
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(65.100.000)	(65.100.000)
Tại ngày 30/6/2022	205.872.982	430.665.937	210.923.673	847.462.592
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2022	19.500.005	809.068.720	-	828.568.725
Tại ngày 30/6/2022	13.000.005	736.143.154	-	749.143.159

Tại ngày 30/6/2022, nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 364.796.660 VND (tại ngày 31/12/2021 là 429.896.660 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	100.410.076.842	98.932.682.830
Cao ốc Dragon Tower	69.685.983.684	67.732.382.832
Trung tâm thương mại Dragon Mall	30.724.093.158	31.200.299.998
Cộng	100.410.076.842	98.932.682.830

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí đầu tư ban đầu phân bổ cho các hạng mục không được phân loại là hàng tồn kho bất động sản của dự án Khu phức hợp Dragon Riverside City tại 628 – 630 Võ Văn Kiệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN SÀI GÒN VIỆT NAM

Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)****4.7 Đầu tư tài chính dài hạn**Tại ngày 30/6/2022
VNDTại ngày 01/01/2022
VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.510.300.000	661.500.000	(3.000.000.000)	3.510.300.000	441.000.000	(3.069.300.000)
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Việt Nam (i)	3.000.000.000	Không xác định	(3.000.000.000)	3.000.000.000	Không xác định	(3.000.000.000)
Cổ phiếu Công ty CP Giấy da và May mặc XNK Legamex (ii)	510.300.000	661.500.000	-	510.300.000	441.000.000	(69.300.000)
Cộng	3.510.300.000	661.500.000	(3.000.000.000)	3.510.300.000	441.000.000	(3.069.300.000)

(i) Khoản đầu tư mua 300.000 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Việt Nam từ năm 2007 với mục đích nắm giữ dài hạn. Tại ngày 30/6/2022, Công ty không thể liên hệ với công ty này để xác nhận các khoản lợi ích kinh tế có thể thu hồi từ khoản đầu tư, do đó Công ty đang trích lập dự phòng tổn thất 100% cho khoản đầu tư.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật đánh giá.

(ii) Khoản đầu tư mua 6.300 cổ phiếu của Công ty CP Giấy da và May mặc XNK Legamex – mã CK LGM với mục đích nắm giữ dài hạn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (10.500 VND/cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	150.631.641	76.011.408
Chi phí bán hàng dự án Chung cư Dragon Hill Premier	70.012.783.308	68.409.199.105
Cộng	70.163.414.949	68.485.210.513

4.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty CP Kiến trúc Tư vấn Quản lý Đông Dương	3.486.175.983	3.486.175.983
Công ty khác	561.980.398	638.768.113
Cộng	4.048.156.381	4.124.944.096

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁT ĐỘNG SÀI GÒN VI NA
Số 628-630 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.10 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2022		Trong kỳ		Tại ngày 30/6/2022	
	VND		VND		VND	
	Số dư		Tăng	Hoàn/khấu trừ	Số dư	
Thuế GTGT được khấu trừ	42.817.506.142		337.738.046		43.155.244.188	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.175.793.605	3.175.793.605	1.158.204.728	-	1.158.204.728
Thuế thu nhập cá nhân	-	369.918.115	1.122.534.520	816.465.496	-	63.849.091
Các loại thuế khác	-	-	206.428.349	206.428.349	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	3.545.711.720	4.507.756.474	2.184.098.573	-	1.222.053.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay phải trả	13.794.520.547	2.625.479.452
Chi phí phải trả khác	100.000.000	67.500.000
Cộng	13.894.520.547	2.692.979.452

4.12 Phải trả khác

	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Phải trả bên liên quan	7.353.301.729	7.552.073.018
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>7.353.301.729</i>	<i>7.552.073.018</i>
Các khoản phải trả bên thứ ba	660.116.109.111	226.135.396.540
<i>Lãi vay và lãi hợp tác kinh doanh phải trả</i>	<i>98.968.744.311</i>	<i>134.533.898.628</i>
<i>Tiền đặt chỗ quyền mua căn hộ Chung cư Dragon Hill Premier</i>	<i>10.910.000.000</i>	<i>11.370.000.000</i>
<i>Nhận góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)</i>	<i>550.000.000.000</i>	<i>80.000.000.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>237.364.800</i>	<i>231.497.912</i>
Cộng	667.469.410.840	233.687.469.558
Dài hạn		
Các khoản phải trả bên thứ ba	240.000.000	399.692.000.000
<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	<i>240.000.000</i>	<i>240.000.000</i>
<i>Nhận góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>	<i>-</i>	<i>399.452.000.000</i>
Cộng	240.000.000	399.692.000.000

(i) Khoản nhận vốn góp hợp tác kinh doanh để bổ sung vốn kinh doanh theo Hợp đồng số 144/2022/HĐHTKD/DD-LSG ngày 12/4/2022 với thời hạn 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền góp vốn. Bên góp vốn được hưởng lợi nhuận trước thuế TNDN theo tỷ lệ góp vốn trên tổng số vốn kinh doanh, căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty nhưng không thấp hơn mức lãi suất 10,5%/năm của số vốn góp và tương ứng với thời gian thực góp, thanh toán 06 tháng/lần từ thời điểm nhận tiền hợp tác. Trong kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2022, khoản lãi Công ty phải trả cho khoản nhận góp vốn này là 10.966.027.397 VND.

H
T
U
T
I
N
I
O
I
-T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.13 Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 01/01/2022 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2022 VND
Vay ngắn hạn	936.878.385.327	405.000.000.000	624.302.372.924	717.576.012.403
Vay ngắn hạn các công ty (i)	936.878.385.327	405.000.000.000	624.302.372.924	717.576.012.403
Vay dài hạn	280.000.000.000	250.000.000.000	-	530.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (ii)	280.000.000.000	250.000.000.000	-	530.000.000.000
Cộng	1.216.878.385.327	655.000.000.000	624.302.372.924	1.247.576.012.403

Chi tiết các khoản vay như sau:

Bên cho vay	Số hợp đồng	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hạn mức, mục đích và hình thức đảm bảo
(i) Các doanh nghiệp	Chi tiết theo từng hợp đồng	12 tháng	9 – 12,1	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giải ngân theo đúng giá trị hợp đồng vay; ▪ Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu lại các khoản nợ; ▪ Các hợp đồng không quy định hình thức đảm bảo.
(ii) Ngân Hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh	22327/21MB/H ĐTD ngày 28/10/2021	48 tháng	9,25	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hạn mức vay 2.500 tỷ VND; ▪ Mục đích vay để nộp tiền sử dụng đất, chi phí đầu tư xây dựng dự án "Khu Chung cư Dragon Hill Premier"; Bù đắp phần vốn tự có, nguồn tài chính mà bên được cấp tín dụng cho dự án trên; ▪ Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ các tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu

4.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của	Vốn khác	LNST	Cộng
	chủ sở hữu	của chủ	chưa phân phối	
	VND	sở hữu	VND	VND
		VND		
Tại ngày 01/01/2021	900.000.000.000	1.565.519.629	125.038.386.315	1.026.603.905.944
Lãi trong năm	-	-	11.710.947.334	11.710.947.334
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	900.000.000.000	1.565.519.629	134.349.333.649	1.035.914.853.278
Tại ngày 01/01/2022	900.000.000.000	1.565.519.629	134.349.333.649	1.035.914.853.278
Lãi trong kỳ	-	-	3.648.145.914	3.648.145.914
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Tại ngày 30/6/2022	900.000.000.000	1.565.519.629	135.597.479.563	1.037.162.999.192

4.14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 30/6/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Thu	148.334.540.000	16,48	148.334.540.000	16,48
Công ty CP Địa ốc Đại Á	122.335.840.000	13,59	122.335.840.000	13,59
Ông Phạm Hữu Hòa	114.522.500.000	12,72	114.522.500.000	12,72
Bà Nguyễn Thị Thạch Trúc	114.522.500.000	12,72	114.522.500.000	12,72
Các cổ đông khác	400.284.620.000	44,48	400.284.620.000	44,48
Cộng	900.000.000.000	100	900.000.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

4.14 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.14.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 30/6/2022 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.14.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.648.145.914	468.551.443
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	40,53	5,21

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi	352.662.882	148.383.960
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	121.747.957
Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	14.838.872.311	75.714.379.160
Lãi cho vay	48.726.272.359	55.400.896.406
Cộng	63.917.807.552	131.385.407.483

5.2 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND
Lãi tiền vay	52.912.770.937	74.840.833.203
Lãi trái phiếu	-	52.068.493.150
(Hoàn nhập) giảm giá đầu tư tài chính	(69.300.000)	-
Cộng	52.843.470.937	126.909.326.353

5.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.941.069.639	1.950.373.540
Chi phí vật liệu văn phòng	279.411.385	71.769.238
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	69.262.158	53.020.808
Chi phí khấu hao tài sản	91.825.566	64.277.896
Thuế và các khoản lệ phí	7.032.182	2.411.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.657.791	223.239.304
Chi phí khác bằng tiền	2.161.494.793	1.422.748.700
Cộng	5.814.753.514	3.787.840.986

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong kỳ khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ kỳ trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.4 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.813.710.642	655.457.871
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	977.312.998	248.389.834
Chi phí không được trừ	1.014.112.998	279.074.271
Tăng chi phí phải trả	32.500.000	-
Giảm dự phòng phải trả	-	(30.684.437)
Giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(69.300.000)	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	5.791.023.640	903.847.705
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	5.791.023.640	903.847.705
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	1.158.204.728	180.769.541
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	1.158.204.728	180.769.541
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	3.175.793.605	7.560.185.677
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(3.175.793.605)	(7.560.185.677)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.158.204.728	180.769.541

5.5 Chi phí thuế TNDN hoãn lại, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại trong kỳ của Công ty được xác định như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả kinh doanh	
	Tại ngày 30/6/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	659.562.600	666.922.600		
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	659.562.600	666.922.600	7.360.000	6.136.887
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			7.360.000	6.136.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

5.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 (trình bày lại) VND
Chi phí nhân công	2.941.069.639	1.950.373.540
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	279.411.385	71.769.238
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	69.262.158	53.020.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.825.566	64.277.896
Thuế và các khoản lệ phí	7.032.182	2.411.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.657.791	223.239.304
Chi phí khác bằng tiền	2.161.494.793	1.422.748.700
Cộng	5.814.753.514	3.787.840.986

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	648.362.480	569.693.054
Nguyễn Vũ Anh Tú - Tổng Giám đốc	648.362.480	569.693.054
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị	1.225.033.211	1.055.692.919
Nguyễn Quang Hiến - Chủ tịch HĐQT	1.069.033.211	899.692.919
Nguyễn Quang Trung - Phó Chủ tịch HĐQT	48.000.000	48.000.000
Vũ Hoài Nam - Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Bùi Hương Quế - Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Nguyễn Vũ Anh Tú - Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát	84.000.000	84.000.000
Trương Thành Long - Trưởng ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Đào Ngọc Phương Nam - Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Đoàn Thu Hương - Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Cộng	1.957.395.691	1.709.385.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại Thuyết minh số 4.12 "Phải trả khác".

6.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.



Nguyễn Vũ Anh Tú
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 8 năm 2022


Trần Thị Minh Tâm
Kế toán trưởng


Ngô Anh Tuấn
Người lập

